

Số: 09/2018/QĐST-HNGĐ

ST, ngày 12 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa:

- Chị Bùi Thị KT; Sinh năm: 1986, là nguyên đơn;

HKTT & chỗ ở hiện nay: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

- Anh Trương Công Đ; Sinh năm: 1986, là bị đơn;

HKTT: Thôn XR, xã STinh, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Sân Gôn KN (HQ vùng 4), phường CN, Tp CR, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/10/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Bùi Thị KT; Sinh năm: 1986, là nguyên đơn;

HKTT & chỗ ở hiện nay: Thôn HE, xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi;

- Anh Trương Công Đ; Sinh năm: 1986, là bị đơn;

HKTT: Thôn XR, xã STinh, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Sân Gôn KN (HQ vùng 4), phường CN, Tp CR, tỉnh Khánh Hòa;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Bùi Thị KT và bị đơn anh Trương Công Đ thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Có 01 người con chung, tên cháu: Trương Thị Minh T, sinh ngày 19/11/2006. Khi ly hôn, anh Đ và chị KT thỏa thuận được: con chung sẽ giao cho chị KT là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ vay chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Chị KT thỏa thuận nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/02748 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tây. Đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tây hoàn trả lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) số tiền tạm ứng án phí mà chị KT đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND h ST (2);
- UBND xã SM, ST (2);
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (1);
- Chi cục THADS h ST (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Thị Ánh Tuyết

